

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo

2. Ông Hà Văn Lam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 373/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2023/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, Thông báo thời gian mở phiên tòa ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hương L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Tô Bạch S, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Hương L trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: chị và anh Tô Bạch S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân được UBND phường E, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01 ngày 18/11/2009. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S nghe lời người khác cho rằng chị là người đồng tính nữ làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của chị, hơn nữa anh S cũng không biết thương yêu quan tâm chăm sóc vợ con. Mỗi lần vợ chồng kinh cãi là anh S đòi chia tài sản, bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh ở. Từ tháng 01/2023, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Tô Quốc Đ, sinh ngày 12/9/2010. Ly hôn, chị L xin nuôi con, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Tô Bạch S trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị L về thủ tục kết hôn và thời gian kết hôn. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh nghe mẹ vợ anh nói chị L là người đồng tính nữ, khi anh vắng nhà chị L thường xuyên dẫn phụ nữ về nhà ngủ hoặc ra ngoài ở riêng với họ chứ anh không có chứng cứ. Từ tháng 01/2023, anh đi làm xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị L xin ly hôn thì anh cũng thống nhất.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Tô Quốc Đ, sinh ngày 12/9/2010. Ly hôn, anh thống nhất giao con cho chị L nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Người làm chứng bà Võ Thị H trình bày:* tôi già cả, đau yếu không đến Tòa theo giấy mời được. Tôi không biết gì về mâu thuẫn vợ chồng anh S chị L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị tuyên xử: Về hôn nhân: chị Lê Thị Hương L được ly hôn anh Tô Bạch S; về con chung: giao cháu Tô Quốc Đ cho chị L nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng

nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ; về tài sản chung: không xem xét, giải quyết; về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Người làm chứng bà Võ Thị H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hương L và anh Tô Bạch S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01 ngày 18/11/2009, là hôn nhân hợp pháp.

Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau. Từ tháng 01/2023, chị L và anh S không sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn là thuộc trường hợp mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị L yêu cầu ly hôn và anh S cũng đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L để các bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

[3.2] Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Tô Quốc Đ, sinh ngày 12/9/2010. Từ ngày anh S đi làm ăn xa, cháu Đ do chị L nuôi dưỡng và có nguyện vọng ở với chị L. Chị L yêu cầu nuôi con chung và anh S cũng thống nhất. Do đó, để con phát triển tốt về thể chất, tinh thần chấp nhận yêu cầu của chị L giao con chung Đ cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Việc nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái. Chị L trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ và anh S cũng thống nhất. Do đó, buộc anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 4/2024.

[3.3] Về tài sản chung: chị Lê Thị Hương L và anh Tô Bạch S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: không có

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Hương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ. Anh Tô Bạch S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Hương L được ly hôn anh Tô Bạch S.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Tô Quốc Đ, sinh ngày 12/9/2010 cho chị Lê Thị Hương L nuôi dưỡng. Anh Tô Bạch S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 4/2024 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Hương L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012504 ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Anh Tô Bạch S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. T;
- Chi cục Thi hành án DS TP. T;
- UBND phường E, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu

